

# **BÀI VIẾT SỐ 7**

(Văn nghị luận)

(2 tiết)

## **I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

Giúp HS :

Biết vận dụng tổng hợp những kiến thức văn học, kinh nghiệm sống và kỹ năng làm bài văn nghị luận đã học để viết bài.

## II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Văn nghị luận còn gọi là văn lập luận. Thực ra, thuật ngữ lập luận được dùng để gọi tên một phương thức lớn nhằm tạo lập một kiểu văn bản : văn bản lập luận (argumentatif). Kiểu văn bản lập luận bao gồm nhiều dạng khác nhau, ứng dụng trong nhiều tình huống khác nhau. Văn nghị luận là một dạng tiêu biểu nhất trong số các dạng của kiểu văn bản lập luận – loại văn bản lấy lập luận làm thao tác chủ yếu. Lập luận là cách thức dẫn dắt, trình bày lí lẽ, dẫn chứng nhằm thuyết phục người đọc về một chân lí, tư tưởng hay một quan điểm nào đó. Muốn lập luận tốt, người viết (người nói) cần nắm chắc nội dung (luận điểm, luận cứ,...), biết vận dụng các thao tác nghị luận một cách tổng hợp và linh hoạt.

2. *Bài viết số 7* chủ yếu nhằm kiểm tra kĩ năng thực hành viết của HS về kiểu văn bản lập luận mà các em đã học ở THCS. Để đa dạng hoá và đáp ứng yêu cầu tự chọn của GV và HS, SGK đưa ra nhiều đề văn. GV tùy theo tình hình cụ thể ở địa phương mình, có thể lựa chọn một trong các đề văn và cũng có thể tự ra đề cho HS làm *Bài viết số 7* này. Nếu tự ra đề, GV lưu ý đề văn cần tập trung vào phương thức lập luận, đề tài nên tập trung vào nghị luận xã hội – nghị luận về những vấn đề đạo đức – xã hội đơn giản, gần gũi, giàu ý nghĩa đối với đời sống, sinh hoạt và học tập của HS.

3. Văn nghị luận là loại văn được ứng dụng rất nhiều trong đời sống xã hội. Văn nghị luận trong nhà trường phổ thông từ trước đến nay thường được quan niệm một cách cực đoan qua hai giai đoạn. Nếu giai đoạn trước Cải cách giáo dục (1980), các đề văn thường nghiêng về nghị luận chính trị – xã hội, thì sau Cải cách giáo dục, lại thường nghiêng về nghị luận văn học. Để tránh tình trạng "cực đoan" theo hai hướng trên, chương trình về phần Làm văn chủ trương hình thành và rèn luyện cho HS một cách cân đối, hài hoà cả hai loại văn nghị luận này. Tỷ lệ các bài kiểm tra làm văn trong một năm học sẽ chú ý đều cho cả hai loại. Mỗi bài viết tập trung vào một hướng hoặc là nghị luận văn học, hoặc là nghị luận xã hội. Trong trường hợp đề văn có hai câu, cũng có thể một câu về nghị luận văn học và câu kia về nghị luận xã hội. Sự phân chia như đã nêu cũng chỉ có tính chất tương đối. Trong thực tế có những đề văn ranh giới giữa hai loại này khó phân biệt và chúng có mối quan hệ rất chặt chẽ. Vì thế, nên chú ý cả loại đề văn này. GV cần khuyến khích những suy nghĩ đa dạng, nhiều hướng (kể cả lật ngược vấn đề), có những phân tích, kiến giải chặt chẽ, sắc sảo mang màu sắc cá nhân,... Tránh lối nhìn nhận một cách mòn sáo, đơn giản, một chiều,...

4. Các đề văn đưa ra cho HS tham khảo để làm *Bài viết số 7* đáp ứng yêu cầu cho việc ôn lại các dạng đề văn nghị luận vừa nêu trên. Nghị luận xã hội được nêu rõ ở Đề 2 (Trình bày suy nghĩ về lòng dũng cảm). Đề 3 tập trung vào bàn về một vấn đề văn học (Quan niệm về một bài thơ hay). Đề 1 (Vai trò của sách đối với đời sống nhân loại) và Đề 4 (Phân tích bi kịch của người phụ nữ qua một số tác phẩm văn học trung đại), Đề 5 (Bài học về nhân cách qua các chuyện về Thái phó Tô Hiến Thành và Thái sư Trần Thủ Độ) có thể xem là loại đề tích hợp, vừa là một vấn đề văn học, vừa là một vấn đề của cuộc sống – xã hội. Các đề văn đều ra dưới dạng nêu vấn đề, khuyến khích HS bàn luận, trao đổi, phát hiện ra nhiều ý kiến, thậm chí có thể trái ngược nhau. Đó đều là những vấn đề vừa gần gũi vừa rất có ý nghĩa giáo dục trong cuộc sống, sinh hoạt và học tập của mỗi HS.

5. Cần xác định yêu cầu cho bài viết một cách phù hợp (về nội dung, về độ dài,...), không yêu cầu quá cao, chú ý đánh giá các yêu cầu về kiểu văn bản, phương thức biểu đạt và tính tích hợp của bài viết.

### III – GỢI Ý VỀ CÁCH LÀM CÁC ĐỀ VĂN

**Đề 1.** Vai trò của sách đối với đời sống nhân loại.

*Gợi ý* : Đề văn này yêu cầu HS bàn về vai trò và tác dụng quan trọng của sách đối với cuộc sống nhân loại. Người viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần nêu được một số ý cơ bản như :

a) Giải thích và trình bày hiểu biết của mình về sách : Sách là gì ? Sách có từ khi nào ? Người ta dùng sách để làm gì ?

b) Không có sách, cuộc sống nhân loại sẽ thế nào ? Phân tích vai trò của sách trên các phương diện như : tuyên truyền và chuyển tiếp cho các thế hệ sau những kinh nghiệm của cuộc sống, những tri thức về tự nhiên, xã hội, những tâm tư, tình cảm, tư tưởng, những sáng tạo nghệ thuật ngôn từ (thơ văn),...

c) Phê phán những biểu hiện coi thường sách, hạ thấp vai trò của văn hoá đọc ; khẳng định sự cần thiết của sách trong xã hội tương lai, cho dù đó là một xã hội công nghiệp, phát triển mạnh mẽ về công nghệ thông tin, nghe nhìn,...

**Đề 2.** Anh (chị) hãy trình bày những suy nghĩ của mình về lòng dũng cảm.

*Gợi ý* : Đề văn này yêu cầu người viết nêu lên những suy nghĩ và quan niệm của mình về một vấn đề xã hội – tư tưởng : vấn đề lòng dũng cảm. Tuỳ vào ý kiến

riêng của mỗi HS, miễn là ý kiến ấy được trình bày một cách rành mạch và có sức thuyết phục. GV không nên bắt buộc HS phải có quan niệm giống nhau, hoặc giống như đáp án của mình. Trái lại, cần động viên, khích lệ những ý kiến khác nhau ; những suy nghĩ độc đáo, mới mẻ ; những bài viết biết đặt ra hoặc phản bác các ý kiến, những quan niệm không đúng về lòng dũng cảm,... Tuy vậy, nội dung bài viết cũng cần nêu lên được các biểu hiện khác nhau của lòng dũng cảm và trình bày, phân tích, chứng minh một cách thuyết phục về quan niệm đó. Chẳng hạn, đây là một cách lập luận và nêu luận điểm :

a) Người dũng cảm là người có nghị lực, sức mạnh và lòng quả cảm để vượt qua gian nguy, chế ngự thiên nhiên và chiến thắng kẻ thù,...

b) Người có lòng dũng cảm, cao hơn, còn là người biết chiến thắng chính bản thân mình (thắng người dễ hơn thắng mình),...

### **Đề 3.** Quan niệm của anh (chị) về một bài thơ hay.

*Gợi ý :* Đề văn yêu cầu HS phát biểu quan niệm về một bài thơ hay. Nói là quan niệm của anh (chị) nhưng không có nghĩa là muốn phát biểu thế nào cũng được. Tiếp nhận văn học nói chung và thơ nói riêng phụ thuộc vào cá nhân người đọc, nhưng cũng phải tuân thủ quy luật khách quan, quy luật sáng tạo và tiếp nhận nghệ thuật. Chính vì thế, bài viết sẽ thể hiện rất rõ nhận thức của HS về lí luận văn học : cấu trúc của tác phẩm văn học, đặc trưng trữ tình của thơ, yêu cầu của sáng tạo nghệ thuật. Nhưng những kiến thức ấy không trình bày một cách cứng nhắc, máy móc, mà người viết cần biết tổng hợp thông qua việc hiểu và cảm nhận của bản thân.

HS có thể dẫn ra nhiều ý kiến khác nhau về quan niệm thơ hay từ cổ chí kim, nhưng cần nêu lên được một số tiêu chí cơ bản sau đây :

a) Thơ hay là bài thơ phải có *nội dung sâu sắc*

Nội dung ấy thể hiện trước hết ở những cảm xúc chân thực, "chân cảm" (Nguyễn Tuân) gây được sự xúc động trong lòng người đọc. Do chân thực, chân cảm mà truyền cảm. Thơ hay không chấp nhận sự giả tạo trong cảm xúc.

Nội dung sâu sắc còn thể hiện ở sự thống nhất giữa cái chung và cái riêng. Văn học nói chung, thơ nói riêng đều là sự phản ánh hiện thực cuộc sống, là tấm gương phản chiếu hiện thực, phản chiếu tâm hồn của một dân tộc thông qua tâm hồn của mỗi cá nhân nhà thơ. Vì thế bài thơ hay là bài thơ vừa nói được những rung động của tâm hồn thi sĩ nhưng cũng vừa đánh thức được tâm hồn "đồng điệu"

của nhiều người, có khi rất nhiều người. "Thơ là những điệu hồn đi tìm những tâm hồn đồng điệu" (Tố Hữu) ; "Thơ là tiếng gọi đàn" (Chế Lan Viên).

b) Thơ hay là thơ phải tìm được một *hình thức* diễn đạt phù hợp với nội dung cảm xúc. Hình thức bao giờ cũng phải phù hợp với nội dung và làm nổi bật nội dung. Sự phù hợp của hình thức bài thơ thể hiện ở nhiều phương diện : *thể loại, cấu tứ, âm hưởng (vần), nhịp điệu, từ ngữ, hình ảnh, các biện pháp tu từ*. Thơ hay còn để lại dấu ấn cá tính sáng tạo của tác giả và đậm đà bản sắc dân tộc.

Bài thơ hay là bài thơ có sự kết hợp hài hoà giữa nội dung và hình thức đã nêu. Thiếu một trong hai yếu tố trên không thể coi đó là bài thơ hay.

**Đề 4.** Bi kịch của người phụ nữ trong xã hội cũ qua một số tác phẩm văn học trung đại đã học : *Độc Tiểu Thanh kí* (Nguyễn Du), các đoạn trích *Chinh phụ ngâm* (Đặng Trần Côn – Đoàn Thị Điểm) và *Cung oán ngâm* (Nguyễn Gia Thiều).

*Gợi ý* : Ba tác phẩm nêu trong đề văn đều viết về bi kịch của người phụ nữ trong xã hội cũ. Mỗi người có một nỗi khổ khác nhau. Nàng Tiểu Thanh tài sắc nổi tiếng bị người vợ cả ghét ghen đày đoạ, sống trong buồn khổ, cô đơn đến lâm bệnh mà chết. Thơ của nàng cũng bị đốt. Người phụ nữ trong *Chinh phụ ngâm* lại sống trong lo âu pháp phòng đợi chờ chồng đến mòn mỏi, uổng phí tuổi xuân. Còn người phụ nữ tài sắc trong *Cung oán ngâm* thì sống trong đau khổ héo mòn vì không được vua chúa đoái hoài, bị ruồng bỏ,...

Sau khi phân tích nỗi khổ của mỗi nhân vật, cần khái quát lại bi kịch chung của người phụ nữ trong xã hội cũ. Đó là những con người không được hưởng cuộc sống hạnh phúc bình thường, giản dị, ấm áp, chân tình. Từ đó, liên hệ với cuộc sống hạnh phúc của người phụ nữ ngày nay.

**Đề 5.** Bài học về nhân cách mà anh (chị) rút ra từ các câu chuyện về Thái phó Tô Hiến Thành và Thái sư Trần Thủ Độ.

*Gợi ý* : Tô Hiến Thành và Trần Thủ Độ là hai nhân vật lịch sử nổi tiếng. Cả hai đều là tấm gương sáng về đức độ, nhân cách. Từ những câu chuyện kể về hai ông, người đọc có thể rút ra bài học sâu sắc : đó là đức tính chính trực, thẳng thắn, chí công vô tư, không khuất phục trước quyền uy, luôn tôn trọng sự thật và một lòng vì non sông đất nước.

Người viết phải phân tích các việc được ghi chép trong bài *Thái phó Tô Hiến Thành* và *Thái sư Trần Thủ Độ* để làm sáng tỏ nhận xét trên.